

QUYẾT ĐỊNH

Quy định giá tiêu thụ nước sạch trên địa bàn tỉnh Quảng Bình

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật giá số 11/2012/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch; Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 quy định về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng;

Căn cứ Nghị định số 67/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 75/2012/TTLT-BTC-BXD-BNNPTNT ngày 15 tháng 5 năm 2012 của liên Bộ Tài chính – Bộ Xây dựng - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn nguyên tắc, phương pháp xác định và thẩm quyền quyết định giá tiêu thụ nước sạch tại các đô thị, khu công nghiệp và khu vực nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 88/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tài chính về việc ban hành khung giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 2858/TT-STC ngày 26 tháng 10 năm 2016 kèm biên bản họp liên ngành ngày 06/10/2016.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định giá tiêu thụ nước sạch (đạt các quy chuẩn, tiêu chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật được cơ quan có thẩm quyền ban hành) do Công ty Cổ phần cấp nước Quảng Bình sản xuất và cung cấp trên địa bàn tỉnh như sau:



TT	Đối tượng sử dụng	ĐVT	Đơn giá
1	Nước dùng cho sinh hoạt các hộ dân cư	đồng/m ³	7.000
2	Nước dùng cho các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp (bao gồm cả trường học, bệnh viện, lực lượng vũ trang), phục vụ mục đích công cộng	đồng/m ³	10.800
3	Nước dùng cho hoạt động sản xuất vật chất	đồng/m ³	12.000
4	Nước dùng cho các hoạt động kinh doanh dịch vụ (bao gồm tập thể và cá nhân có kinh doanh)	đồng/m ³	15.000

(Mức giá trên đã bao gồm thuế VAT, không bao gồm phí nước thải sinh hoạt).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 07/2014/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định giá bán nước sạch do công ty TNHH một thành viên cấp nước Quảng Bình sản xuất và cung cấp.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên khai thác công trình thủy lợi Quảng Bình, Giám đốc Công ty Cổ phần cấp nước Quảng Bình; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Xây dựng;
- Cục Quản lý Giá (Bộ Tài chính);
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Thường vụ Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Báo Quảng Bình;
- Đài PT-TH Quảng Bình;
- Trung tâm Tin học – Công báo tỉnh;
- Lưu VT, KTTH.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Xuân Quang